TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06/3/2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Nhạn
2. Ông Lương Chí Nguyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Bá T, sinh năm 1984
Địa chỉ: Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Diễm C, sinh năm 1983
Địa chỉ: Khóm A, phường H, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

(anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Bá T trình bày: anh T và chị Trần Thị Diễm C có mối quan hệ vợ chồng, anh chị có làm lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa anh và chị C thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau về những mâu thuẫn

nhỏ nhặt trong cuộc sống, đến đầu năm 2016 chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột ở số nhà Khóm A, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu cho đến nay. Nay anh T xác định giữa anh và chị C không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng anh T và chị C không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Diễm C dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của chị C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị C. Về con chung, tài sản chung và nợ chung anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: anh T và chị C có làm lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh

được ly hôn với chị C đây thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*, chị C hiện đang cư trú tại Khóm A, phường H, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: anh T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; chị C là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Trong thời gian chung sống vợ chồng thì giữa anh T và chị C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai không sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Anh T xác định hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân thời gian dài nên anh T đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị C.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã hòa giải để anh T và chị C đoàn tụ nhưng anh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn chị C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của chị C. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng anh T cương quyết xin ly hôn. Mặc khác giữa anh T và chị C cũng sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh T xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng giữa anh và chị C không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bá T được ly hôn với chị Trần Thị Diễm C.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Bá T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0004504 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã R, nay được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùg cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thuý